

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 349/2020/HS-ST
Ngày: 09/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 346/2020/TLST-HS ngày 17/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2020/QĐXXST-HS ngày 23/11/2020, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Long H; sinh năm: 1988; tại: Thành phố H; hộ khẩu thường trú: đường m, phường n, quận B, Thành phố H; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tấn N; và bà: Hoàng Thị Thanh T; vợ Nguyễn Thị H; có 02 con (sinh năm 2016, 2018); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14/7/2006, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2007 và đóng án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 08/6/2007); Ngày 26/3/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2016 và đóng án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 03/11/2014); bị bắt, tạm giam ngày: 21/11/2018. (Có mặt)

2. Trần Ngọc Hoàng V; sinh năm: 1993; tại: Thành phố H; hộ khẩu thường trú: đường x, Phường y, quận B, Thành phố H; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tấn L; và bà: Trần Ngọc Thủy T; vợ Hoàng Kim Th; có 02 con (sinh năm 2016, 2017); tiền án: Ngày 11/11/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt

ngày 22/6/2015, đóng án phí sơ thẩm); Ngày 12/6/2018, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm, phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 237/2018/HS-PT, bị cáo bỏ trốn chưa chấp hành bản án trên và đang bị truy nã); tiền sự: Ngày 29/9/2018, bị Công an quận Thủ Đức bắt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đưa vào cơ sở xã hội thanh thiếu niên 2 chữa bệnh, đến ngày 26/10/2018 bỏ trốn; bị bắt giữ ngày 21/9/2018, đến ngày 28/9/2018 hủy bỏ tạm giữ; bị bắt, tạm giam ngày: 03/6/2020. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Chị Diệp Thị Ánh T, sinh năm 1982, (Có mặt)

2. Anh Phan Ngọc Th, sinh năm 1977. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: đường số a, khu phố b, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Hữu Học, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phương Minh, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Tr (tên gọi khác: C), sinh năm: 1987, địa chỉ: đường x, Phường y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Tú T, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 02/9/2018, Nguyễn Long H đến tiệm game bắn cá tại địa chỉ số x, đường N, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp Trần Ngọc Hoàng V là bạn quen biết. Tại đây, H rủ V đi vòng quanh khu vực phường Trường Thọ, quận Thủ Đức tìm nhà dân nào chủ nhà đi vắng thì phá khóa cửa vào trong lấy trộm tài sản thì V đồng ý. H điều khiển xe mô tô Suzuki Satria màu trắng đen biển số 59U2-134.38 chở V đi đến đầu đường số 3, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức thì H dừng xe để V đứng ngoài cảnh giới. H đi bộ vào phát hiện nhà số x, đường số a, khu phố b, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của chị Diệp Thị Ánh T cửa khóa bên ngoài nhìn qua khe cửa thấy bên trong nhà có một xe mô tô hiệu Lead, màu xanh biển số 59X2-638.60. Quan sát không có người trông coi nên H dùng cây kim mỏ lết bằng kim loại mang theo sẵn vặn khoen khóa cửa, vào phòng ngủ dùng cây kim mỏ lết và cây tuốc nơ vít bằng kim loại dài 30cm đục cạy bung cửa kết sắt, lấy hết tiền và trang sức gồm: Nhẫn màu vàng, vòng đeo tay màu vàng, dây chuyền màu vàng bỏ vào túi nilon rồi đi vào phòng khách lấy chìa khóa trên kệ gỗ mở khóa yên xe mô tô hiệu

Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 của chị T bỏ tiền, nữ trang và kim mỗ lết, tuốc nơ vít vào yên xe rồi dẫn ra ngoài. H điều khiển xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60, V điều khiển xe mô tô Suzuki Satria màu trắng đen biển số 59U2-134.38 chạy về tiệm game bắn cá trên đường N, phường 26, quận Bình Thạnh. Sau đó, H điều khiển xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 vào khu vực chợ Bà Chiểu thuộc Phường 1, quận Bình Thạnh bán số nữ trang cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được 25.000.000 đồng; kiểm tra tiền được 30.000.000 đồng; H đem xe Lead màu xanh, biển số 59X2-638.60 bán cho tên Tuấn (không rõ lai lịch) được 6.000.000 đồng. Sau khi bán được xe H đón xe ôm về tiệm game bắn cá số x đường N, Phường 26, quận Bình Thạnh, H chia cho V 3.000.000 đồng, còn số tiền và nữ trang bán được H không chia cho V mà để tiêu xài cá nhân.

Qua truy xét, ngày 21/9/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đưa Trần Ngọc Hoàng V về làm việc. V khai nhận hành vi cùng H lấy trộm 01 xe Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 tại nhà số 15/13, đường số 3, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức vào ngày 02/9/2018 của chị Diệp Thị Ánh T, số tài sản còn lại V không biết và H cũng không nói cho V biết. Ngày 21/11/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đưa Nguyễn Long H về làm việc. H khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng V, tài sản lấy được bao gồm số tiền là 30.000.000 đồng và nhẫn màu vàng, vòng đeo tay màu vàng, dây chuyền màu vàng không rõ số lượng, chủng loại cụ thể, H đã bán toàn bộ số vàng trên được 25.000.000 đồng H tiêu xài cá nhân hết.

Chị Diệp Thị Ánh T và anh Phan Ngọc Th là chồng chị T khai bị mất trộm tài sản gồm tiền Việt Nam đồng là: 280.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 24K trọng lượng 09 chỉ; một đôi bông tai vàng 24K trọng lượng 01 chỉ kiểu bông mai; vàng 18K trọng lượng 27,845 chỉ; 5,7 chỉ kiểu chữ công; 05 phân 4,5 li vòng đeo tay em bé; 3,8 chỉ vòng đeo tay có gắn đá màu tím; 01 nhẫn trọng lượng: 1,7 chỉ có hạt đá màu tím; 01 đôi bông tai trọng lượng: 7,5 phân; một dây chuyền trọng lượng: 7,5 phân có hạt đá màu tím; một nhẫn đeo tay trọng lượng: 2,2 chỉ; một dây chuyền trọng lượng: 1,6 chỉ; một nhẫn ximên trọng lượng: 3,5 chỉ có hạt đá trắng; một nhẫn trọng lượng: 2,3 chỉ hình lá chèo; một vòng đeo tay trọng lượng 5 chỉ; 01 Ipad màu xám; một xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60.

Ngày 21/11/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Long H và Trần Ngọc Hoàng V về tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 1332/CVHĐĐGTSTTHS ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức kết luận: 01 máy tính bảng hiệu Ipad màu xám trị giá 3.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 24k trọng lượng 09 chỉ trị giá 31.257.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 24k kiểu bông mai trị giá 3.473.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 5,55 chỉ kiểu chữ Công trị giá 14.541.000 đồng; 01 vòng đeo tay (em bé) vàng 18K trọng lượng 5 phân 4,5 li trị giá 1.472.900 đồng; 01 vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 3,8 chỉ có hạt đá màu tím trị giá 9.956.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,7 chỉ có hạt đá màu tím trị giá 4.454.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 7,5 phân có hạt đá màu tím trị giá 1.965.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 7,5 phân trị

giá 1.965.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 2,2 chỉ trị giá 5.764.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,6 chỉ trị giá 4.192.000 đồng; 01 nhẫn ximen vàng 18K trọng lượng 3,5 chỉ có hạt đá trắng trị giá 9.170.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 2,3 chỉ hình lá chéo trị giá 6.026.000 đồng; 01 bộ nữ trang vàng 18K trọng lượng 5,118 chỉ trị giá 13.409.160 đồng; 01 xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 trị giá 22.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 132.645.060 đồng (BL: 312-313).

Căn cứ bản Kết luận giám định số 146/C09B ngày 21/11/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận dấu vết đường vân số 5, 6 trên tay nắm kết sắt Solid, được phát hiện bằng phương pháp xông keo với dấu vân tay ngón trỏ phải và ngón út phải trên chỉ bản vân tay lập ngày 21/11/2018 ghi tên Nguyễn Long H là do vân tay của cùng một người để lại (BL: 63).

Vật chứng vụ án:

- Một xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu trắng biển số 59U2-134.38 số máy CGA1-YD155618; số khung: MH8DL11AZJJ155624 do V và H dùng làm phương tiện đi trộm cắp. Kết quả xác minh xe trên do Trần Trọng Nhân, sinh năm 1996, HKTT: số nhà 161, Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10 đứng tên chủ sở hữu. Đầu tháng 8 năm 2018, anh Nhân bán xe trên cho anh Nguyễn Thanh Bình. Ngày 20/8/2018, anh Bình bán xe trên cho anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1987, HKTT: Sông Soài 4, xã Láng Lớn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi mua xe trên, anh Trung gửi xe mô tô biển số 59U2-134.38 cho Trần Ngọc Hoàng V giữ hộ.

- Một kết sắt hiệu Solid kích thước 0,55x0,48x0,48; một ổ khóa bằng kim loại màu vàng, móc khóa bằng kim loại màu trắng đường kính 06x08 có chữ Zin made in Taiwan; một ổ khóa bằng kim loại màu vàng đường kính 08x04 có chữ Nam; Một móc khóa bằng kim loại màu trắng đường kính 07x06cm. Ngày 29/05/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Diệp Thị Ánh T là chủ sở hữu.

Phần dân sự: chị Diệp Thị Ánh T yêu cầu bồi thường 412.645.000 đồng gồm số tiền mặt là 280.000.000 đồng và 132.654.000 đồng giá trị nữ trang, xe mô tô biển số 59X2-638.60, máy tính bảng. Kết sắt hiệu Solid kích thước 0,55x0,48x0,48 không định giá được, chị T không yêu cầu gì

Đối với người tên Tuấn và người đàn ông không rõ lai lịch có hành vi mua vàng và xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 do H trộm cắp. Đến nay chưa xác định được lai lịch, khi nào xác định sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng bị hại khai để trong kết sắt bị mất trộm vào ngày 02/9/2018. Tuy nhiên, bị cáo H không thừa nhận lấy trộm số tiền trên, chỉ thừa nhận lấy 30.000.000 đồng, ngoài lời khai của bị hại ra không còn chứng cứ khác chứng minh số tiền trên thực tế bị mất trộm. Ngoài ra, từ khi trình báo bị mất trộm về số tiền trên lời khai của bị hại có nhiều mâu thuẫn về nguồn gốc và số tiền bị mất trộm. Do đó, không có căn cứ để buộc bị can Nguyễn Long H chiếm đoạt số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Ngọc Hoàng V đã bỏ trốn. Ngày 14/11/2019, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã xét xử bị cáo Nguyễn Long H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 07 năm 06 tháng tù, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 412.683.900 đồng, tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc xe. Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức kháng nghị đề nghị tăng nặng hình phạt.

Ngày 18/2/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm số 333/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức với lý do lời khai của bị hại và bị cáo khác nhau về số tài sản chiếm đoạt, các hóa đơn mua vàng, hình ảnh camera an ninh không đủ căn cứ quy kết bị cáo phải chịu trách nhiệm về số tài sản bị mất trị giá 412.683.900 đồng, đồng thời, lời khai của bị hại không thống nhất nhau, và phát sinh thêm tình tiết mới tại phiên tòa, nên không có cơ sở căn cứ vào lời khai của bị hại để buộc tội bị cáo chịu trách nhiệm trên số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Ngày 03/6/2020, bị cáo Trần Ngọc Hoàng V bị bắt theo quyết định truy nã. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức quyết định nhập vụ án

[2] Bản Cáo trạng số 341/CT-VKS ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Long H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Ngọc Hoàng V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên bị cáo H xác định bị cáo chỉ lấy 30.000.000 đồng và 01 dây chuyền, 02 vòng, 01 nhẫn, bỏ vào xe Lead, số tiền, vàng còn lại và ipad bị cáo không lấy; bị cáo V khai đứng cạnh giới, không biết bị cáo H lấy được thêm bao nhiêu tài sản, được bị cáo H chia 3.000.000 đồng tiền bán xe.

- Bị hại chị Diệp Thị Ánh T và anh Phan Ngọc Th xác định các tài sản bị mất trộm bị hại đã khai là chính xác, tổng cộng trị giá 412.645.000 đồng và yêu cầu cả hai bị cáo liên đới bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Tr khai anh gửi xe Suzuki Satria biển số 59U2-134.38 cho bị cáo V, không biết bị cáo V phạm tội nên đề nghị được nhận lại xe.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H, V phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017, cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, để xử phạt bị cáo H từ 05 năm đến 06 năm tù; áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017, cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo V từ 05 năm đến 06 năm tù; buộc hai bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại 162.654.060 đồng, vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa.

Luật sư ông Nguyễn Hữu Học bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tranh luận: không đồng ý với kết luận của Cáo trạng về số tiền 250.000.000 đồng, ban đầu bị hại có lời khai 300.000.000 đồng, sau đó là 280.000.000 đồng, chưa bao giờ khai mất 250.000.000 đồng; việc Viện kiểm sát cho rằng không có chứng cứ về số tiền là không đúng, có lời khai của người làm chứng về số tiền cho bị hại. Lời khai 300.000.000 đồng là ngay từ đầu khi bị hại chưa vào nhà, bị cáo khai khoảng 300.000.000 đồng, đến khi vào được kiểm tra xác định lại ngay là 280.000.000 đồng. Viện kiểm sát cho rằng bị cáo khai báo thành khẩn là chưa có cơ sở, bởi lẽ lời khai của bị cáo là có gian dối, cả về chìa khóa xe, về số tiền, vàng, mâu thuẫn với lời khai của bị hại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để làm rõ cách thức mở khóa xe, nơi bị cáo tiêu thụ vàng và mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo và bị hại.

Các bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng lời khai của bị cáo còn có mâu thuẫn với bị hại về chìa khóa xe, số tiền, vàng chiếm đoạt nên đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung. Xét thấy vụ án đã qua nhiều lần xét xử, được trả hồ sơ nhiều lần để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo và bị hại, nên việc trả hồ sơ để điều tra thêm một lần nữa là không cần thiết.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V phù hợp với nhau, phù hợp với bản trình báo vụ việc, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V đã có hành vi lén lút phá khóa vào nhà chiếm đoạt tài sản của bị hại chị Diệp Thị Ánh T và anh Phan Ngọc Th.

Bị cáo Nguyễn Long H khai bị cáo đục cạy bung cửa kết sắt lấy hết tiền và trang sức gồm: Nhẫn màu vàng, vòng đeo tay màu vàng, dây chuyền màu vàng bỏ vào túi nilon rồi mở khóa yên xe mô tô hiệu Lead biển số 59X2-638.60 bỏ tiền, nữ trang vào và tẩu thoát, sau đó bị cáo đem bán toàn bộ nữ trang, vàng được 25.000.000 đồng, số tiền lấy được là 30.000.000 đồng; bị cáo V khai khi bị cáo H phá kết sắt lấy tài sản bị cáo không thấy vì đang ở ngoài cánh giới nên không biết bị cáo H lấy được những gì, sau khi bị cáo H bán xe thì chia cho bị cáo 3.000.000 đồng. Bị hại chị Diệp Thị Ánh T, anh Phan Ngọc Th khai bị mất trộm trong kết sắt

là 280.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 24K trọng lượng 09 chỉ; một đôi bông tai vàng 24K trọng lượng 01 chỉ kiểu bông mai; vàng 18K trọng lượng 27,845 chỉ: 5,7 chỉ kiểu chữ công; 05 phân 4,5 li vòng đeo tay em bé; 3,8 chỉ vòng đeo tay có gắn đá màu tím; 01 nhẫn trọng lượng: 1,7 chỉ có hột đá màu tím; 01 đôi bông tai trọng lượng: 7,5 phân; một dây chuyền trọng lượng: 7,5 phân có hột đá màu tím; một nhẫn đeo tay trọng lượng: 2,2 chỉ; một dây chuyền trọng lượng: 1,6 chỉ; một nhẫn ximen trọng lượng: 3,5 chỉ có hột đá trắng; một nhẫn trọng lượng: 2,3 chỉ hình lá chéo; một vòng đeo tay trọng lượng 5 chỉ; ngoài ra còn bị mất trộm 01 Ipad màu xám; một xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60.

Xét thấy lời khai của bị cáo và bị hại về số tài sản chiếm đoạt có mâu thuẫn nhau. Về số vàng, nữ trang các bị cáo chiếm đoạt trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2019, bị cáo H xác định bị cáo chiếm đoạt trong kết sắt gồm nhẫn màu vàng, vòng đeo tay màu vàng, dây chuyền màu vàng không rõ số lượng, chủng loại cụ thể, đã bán toàn bộ số vàng trên được 25.000.000 đồng, khi bán chỉ hỏi số vàng này mua bao nhiêu rồi bán chứ không xem lại, vì vậy, số lượng vàng nữ trang được xác định theo lời khai của bị hại, kèm theo những hóa đơn chứng từ bị hại mua còn giữ lại gồm 5 hóa đơn. Tổng cộng số vàng, nữ trang bị chiếm đoạt qua định giá gồm 03 nhẫn vàng 24k trọng lượng 09 chỉ trị giá 31.257.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 24k trị giá 3.473.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 5,55 chỉ kiểu chữ Công trị giá 14.541.000 đồng; 01 vòng đeo tay (em bé) vàng 18K trọng lượng 5 phân 4,5 li trị giá 1.472.900 đồng; 01 vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 3,8 chỉ có hột đá màu tím trị giá 9.956.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,7 chỉ có hột đá màu tím trị giá 4.454.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 7,5 phân có hột đá màu tím trị giá 1.965.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 7,5 phân trị giá 1.965.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 2,2 chỉ trị giá 5.764.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,6 chỉ trị giá 4.192.000 đồng; 01 nhẫn ximen vàng 18K trọng lượng 3,5 chỉ có hột đá trắng trị giá 9.170.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 2,3 chỉ hình lá chéo trị giá 6.026.000 đồng; 01 bộ nữ trang vàng 18K trọng lượng 5,118 chỉ trị giá 13.409.160 đồng, tổng cộng là 107.645.060 đồng. Đối với chiếc ipad bị cáo khai không có lấy trộm, cũng như số tiền bị cáo lấy trộm đếm được là 30.000.000 đồng, phía bị hại chị T, anh Th khai bị mất trộm chiếc ipad và số tiền 280.000.000 đồng tuy nhiên không đưa ra chứng cứ gì chứng minh ngoài việc anh Th khai số tiền 200.000.000 đồng mượn của anh Nguyễn Minh P trước đó khoảng hai tháng và để trong kết sắt, có xác nhận của người cho mượn; và 80.000.000 đồng là tiền để dành, tuy nhiên việc mượn tiền nếu có cũng không chứng minh được toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng đều để trong kết sắt, cũng như việc mượn tiền và để trong kết sắt số tiền lớn trong thời gian lâu như vậy cũng không có hợp lý, đồng thời lời khai của bị hại khi sự việc xảy ra và trong quá trình điều tra không thống nhất về số tiền bị chiếm đoạt làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/2/2020, quá trình điều tra lại cũng không có chứng cứ gì mới chứng minh về số tiền bị mất trộm. Vì vậy, đối với số tiền cũng như chiếc ipad bị lấy trộm không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bị hại.

Như vậy, tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt bao gồm vàng, nữ trang đã nêu ở trên, cùng với xe mô tô hiệu Lead màu xanh biển số 59X2-638.60 trị giá

22.000.000 đồng, và số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng là 159.645.060 đồng, nên có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Tính nguy hiểm của hành vi các bị cáo thực hiện còn thể hiện ở việc về nhân thân của các bị cáo rất xấu, bị cáo H bị xét xử nhiều lần về tội chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên đã được xóa án; bị cáo V đối với tiền án tại Bản án số 403/2014/HSST ngày 11/11/2014 đã chấp hành xong hình phạt, nhưng đến ngày phạm tội bị xét xử tại Bản án phúc thẩm số 237/2018/HS-PT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo chưa đóng án phí, chưa được xóa án, nên thuộc trường hợp tái phạm; sau khi xét xử, bị cáo bỏ trốn, chưa thi hành án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo V còn có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị đưa vào cơ sở cai nghiện nhưng bỏ trốn. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Đồng thời, áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo V.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại chị Diệp Thị Ánh T, anh Phan Ngọc Th yêu cầu bồi thường 412.645.000 đồng gồm số tiền mặt là 280.000.000 đồng và 132.654.000 đồng giá trị nữ trang, xe mô tô biển số 59X2-638.60, máy tính bảng. Kết sắt hiệu Solid kích thước 0,55x0,48x0,48 không định giá được, chị T không yêu cầu gì. Xét thấy chỉ đủ căn cứ xác định các bị cáo H, V chiếm đoạt của bị hại chị Tuyết, anh Thuận tổng số tài sản và tiền trị giá 159.645.060 đồng, vì vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 159.645.060 đồng. Do cả hai bị cáo cùng gây thiệt hại, tuy bị cáo V được hưởng lợi ít hơn, nhưng mức độ lỗi của mỗi bị cáo không xác định được nên phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau.

- Một xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu trắng biển số 59U2-134.38 số máy CGA1-YD155618; số khung: MH8DL11AZJJ155624 do V và H dùng làm phương tiện đi trộm cắp. Kết quả xác minh xe trên do Trần Trọng N, sinh năm 1996, HKTT: số nhà x, đường y, Phường z, Quận t đứng tên chủ sở hữu. Đầu tháng 8 năm 2018, anh N bán xe trên cho anh Nguyễn Thanh B, anh B bán xe trên cho anh Nguyễn Văn Tr. Anh Nguyễn Văn Tr khai anh mua xe của anh B vào đầu tháng 8/2018 tại cửa hàng xe và có lập hợp đồng công chứng mua bán xe vào ngày 29/8/2018, vào

ngày 20/8/2020, anh Tr gửi xe mô tô biển số 59U2-134.38 cho bị cáo V giữ hộ để lễ 2/9 về quê, bị cáo V dùng xe đi trộm cắp anh không biết nên anh đề nghị được nhận lại chiếc xe trên. Xét thấy anh Nguyễn Văn Tr không biết và không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng xe của anh thực hiện hành vi phạm tội nên cần giao trả xe lại cho anh Tr.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Long H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2018.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

2. Bị cáo Trần Ngọc Hoàng V 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án phúc thẩm số 237/2018/HS-PT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Ngọc Hoàng V phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2020, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2018 đến ngày 28/9/2018.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V liên đới bồi thường cho bị hại chị Diệp Thị Ánh T, anh Phan Ngọc Th 159.645.060 (Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm sáu mươi) đồng (trách nhiệm theo phần của mỗi bị cáo là 79.822.530 (Bảy mươi chín triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm ba mươi) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho anh Nguyễn Văn Tr: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu trắng biển số 59U2-134.38 số máy CGA1-YD155618; số khung: MH8DL11AZJJ155624

(Vật chứng tại Phiếu nhập kho số 234 ngày 30/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo Nguyễn Long H, Trần Ngọc Hoàng V chịu 200.000 (Hai trăm

ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.991.000 (Ba triệu, chín trăm chín mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn